

PHÁT TRIỂN KINH TẾ DU LỊCH VỚI BẢO TỒN VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG CÁC DÂN TỘC Ở TÂY NGUYÊN

TRẦN VĂN PHƯƠNG^(*)

Tây Nguyên là địa bàn cư trú lâu đời của gần 20 dân tộc thuộc nhóm ngữ hệ Nam Á và Nam Đảo. Trên vùng cao nguyên bao la, hùng vĩ, từ trong đời sống hiện thực của buôn làng, cư dân bản địa Tây Nguyên đã sáng tạo ra một kho tàng văn hoá dân gian đồ sộ. Kho tàng văn hoá ấy chứa đựng nhiều loại hình văn hoá, nghệ thuật phong phú và đặc sắc, mang phong tục tập quán riêng của từng dân tộc. Trong lễ hội có lễ cúng đất làng, lễ bỏ mả, lễ đâm trâu, lễ mừng cơm mới... Văn học nghệ thuật với những bộ sử thi không chỉ đơn thuần là văn học dân gian mà chứa đựng những giá trị âm nhạc, tín ngưỡng tâm linh và điển xướng, trở thành tài sản tinh thần thuộc sở hữu chung của cả cộng đồng. Núi rừng Tây Nguyên đã nuôi dưỡng, làm toả sáng và sưởi ấm tâm hồn người bằng những loại nhạc khí đặc trưng mang âm thanh và tiết tấu của cuộc sống lao động, giao hoà giữa lòng người và thiên nhiên hùng vĩ. Tây Nguyên còn có nghệ thuật tạo hình và kiến trúc mang sắc thái riêng, đó là kiến trúc của những ngôi nhà dài, nhà rông, những trang trí hoa văn trên cơ thể, trang phục, đồ dùng sinh hoạt, đặc biệt là nghệ thuật kiến trúc tạo hình ở ngôi nhà mồ...

Mỗi dân tộc đều có đặc điểm riêng, phản ánh sắc thái tộc người nhưng do cộng cư lâu

đời nên các dân tộc ở Tây Nguyên vẫn có chung những đặc điểm về kinh tế, xã hội và văn hoá. Nét chung nhất đó là họ sinh sống trong các buôn làng, hoạt động kinh tế chính là làm nông nghiệp nương rẫy và sinh hoạt văn hoá theo tính cộng đồng, tập thể. Tuy nhiên, những giá trị văn hoá đặc trưng ấy ngày càng bị mai một do thời gian, con người (các công trình kiến trúc) hay do tác động của sự hội nhập và phát triển kinh tế (các giá trị văn hoá tinh thần). Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc ở Tây Nguyên là vấn đề cấp bách, cần được quan tâm kịp thời. Vì “để mất văn hoá dân tộc hay làm cho văn hoá dân tộc mờ nhạt, bị lai căng, pha tạp thì dân tộc không còn sức sống, thậm chí không còn tồn tại như một quốc gia dân tộc nữa” (Lê Như Hoa, 2002, tr. 40). Các dân tộc Tây Nguyên phải làm gì để hội nhập, phát triển kinh tế nhưng vẫn bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá truyền thống? Du lịch vốn không chỉ là một hoạt động kinh tế, xã hội tạo việc làm cho hàng ngàn lao động, góp phần nâng cao cuộc sống của người dân mà còn là hoạt động mang đậm tính chất văn hoá, góp phần bảo lưu các giá trị văn hoá truyền thống và tăng cường sự giao lưu, hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc trong một quốc gia và bạn bè quốc tế.

1. VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG TÂY NGUYÊN DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA SỰ HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Hội nhập và phát triển là nhu cầu cấp thiết

^(*) Viện Nghiên cứu Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

của đất nước hiện nay. Sau hơn hai mươi năm đổi mới, chúng ta đã gạt hái được những thành tựu nhất định, song cũng đã nảy sinh những mặt tiêu cực và phức tạp. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, dân tộc ta phải đối đầu với giặc ngoại xâm và sự đồng hoá văn hoá. Nhưng với bản lĩnh và lòng tự tôn dân tộc đã làm thất bại mọi âm mưu đồng hoá của các thế lực thù địch. Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay đòi hỏi chúng ta phải mở cửa, giao lưu quốc tế rộng lớn trong mọi lĩnh vực. Việc giao lưu quốc tế, tiếp thu văn hoá ngày càng mở rộng đã tác động đến văn hoá truyền thống và lối sống của các thế hệ trẻ.

Vào những thập niên cuối cùng của thế kỷ XX tình trạng di dân ồ ạt đến vùng đất Tây Nguyên, cùng với sự biến đổi kinh tế-xã hội đã tác động mạnh mẽ đến nền văn hoá truyền thống của các dân tộc. Trong giai đoạn này nền văn hoá của các dân tộc ở Tây Nguyên đang diễn ra hai quá trình là “quá trình quốc gia hoá các giá trị văn hoá tộc người và cùng với nó là quá trình chọn lọc, tiếp nhận và tộc người hoá các giá trị văn hoá quốc gia và các tộc người khác” (Trần Văn Bính (chủ biên), 2004, tr. 31).

Văn hoá Tây Nguyên tồn tại qua hàng ngàn năm lịch sử, được bao bọc bởi núi rừng và cũng chính từ rừng đã hình thành và bồi đắp nên nền văn hoá các dân tộc phong phú và đa dạng. Tuy văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên phong phú nhưng chưa đủ mạnh để có thể tự thân bảo vệ mình trong quá trình giao lưu văn hoá, tiếp thu những giá trị văn hoá từ bên ngoài vào. Trong hoàn cảnh xã hội ngày nay, văn hoá truyền thống của các dân tộc ở Tây Nguyên không

có cơ sở và điều kiện để tồn tại như một hệ thống toàn vẹn như trong quá khứ. Đơn vị xã hội buôn làng của các dân tộc bản địa bị phá vỡ từ đó kéo theo sự thay đổi về văn hoá, cũng như một số yếu tố văn hoá bị mai một do không phù hợp với đời sống đương đại.

Có những loại hình văn hoá lạc hậu chúng ta cần phải chấp nhận thay đổi đó là những luật tục cổ hủ gây cản trở đến sự phát triển xã hội. Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, cũng như sự du nhập của nền sản xuất mới đã tác động đến phương thức canh tác cổ truyền của các dân tộc, từng bước làm thay đổi đời sống của cộng đồng cư dân. Nếu như trước đây, các dân tộc Tây Nguyên chủ yếu canh tác theo phương thức du canh, trồng lúa nương rẫy, với những công cụ thô sơ chủ yếu là rìu và cuốc và phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên thì đến nay họ đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật, phương thức canh tác đa dạng, năng suất lao động tăng lên gấp nhiều lần. Các dân tộc thiểu số đã biết trồng lúa nước, hình thành nên những cánh đồng lúa rộng lớn ở huyện Ayun Pa, Krông Pa (tỉnh Gia Lai), Ea Sup (tỉnh Dak Lăk)... những vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su, ca cao...

Sự phát triển kinh tế đã làm thay đổi bộ mặt đời sống của nhân dân, bên cạnh đó sự du nhập văn hoá mới đã tác động đến sinh hoạt hàng ngày của cư dân bản địa. Hiện tượng đàn ông mặc khố, phụ nữ ở trần không còn phổ biến ở các dân tộc Tây Nguyên. Trang phục của người dân đã thay đổi. Những ngôi nhà dài, nhà rông lợp bằng mái tranh, vách nửa dầm được thay đổi bằng mái tôn, sau đó đồng bào đã chuyển hẳn

sang làm nhà trệt, nguyên liệu bằng bê tông kiên cố...

Đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đã sáng tạo ra kho tàng văn hoá dân gian phong phú và đa dạng, từ văn hoá vật chất đến tinh thần. Từ tín ngưỡng dân gian, lễ hội ngày mùa, lễ hội vòng đời, đặc biệt là kho tàng văn hoá nghệ thuật rất đậm đặc về trữ lượng và thể loại như văn học dân gian, nhạc khí, dân ca, dân vũ, điêu khắc, kiến trúc...

Thế nhưng những kho tàng văn hoá đó đang mất dần, đang chịu sự tấn công của văn hoá từ bên ngoài. Trước sự phát triển của kinh tế thị trường, quá trình hội nhập tỏ ra yếu ớt, biến động và không tìm thấy hướng đi. Hiện nay, đến Tây Nguyên chúng ta không thể tìm thấy ngôi nhà *dài như tiếng chiêng ngân*, mà nó chỉ còn hiện hữu ở trong truyện cổ tích, trường ca. Tây Nguyên đang mất dần những thế hệ kế cận, tiếp thu và bảo lưu các giá trị văn hoá của dân tộc mình. Thanh niên trở nên thờ ơ với những bộ sử thi, trường ca; nạn mua bán công chiêng, lấy cấp tượng nhà mồ... diễn ra ở khắp nơi; các lễ nghi dân tộc, luật tục, lễ hội liên quan đến vòng đời, đến tự nhiên cũng dần bị lãng quên...

Sự đổi mới về kinh tế và hội nhập đã làm thay đổi nếp sống, nét sinh hoạt văn hoá, trước hết được biểu hiện trong cơ cấu gia đình, sau đó ảnh hưởng đến toàn xã hội. Vì vậy nếu phát triển kinh tế mà không quan tâm đến việc gìn giữ truyền thống văn hoá thì dễ dẫn đến tình trạng đánh mất bản sắc văn hoá của dân tộc. Kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới (Nhật Bản, Hàn Quốc) đó là sự phát triển của khoa học phương Tây cùng với truyền thống văn hoá

dân tộc tạo nên sự phát triển, sự phồn thịnh của quốc gia.

2. KINH TẾ DU LỊCH TRONG VIỆC BẢO TỒN VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG CỦA CÁC DÂN TỘC TÂY NGUYÊN

John Naisbitt, nhà tương lai học nổi tiếng người Anh đã dự báo: ba dịch vụ quan trọng nhất trong thế kỷ XXI là du lịch, viễn thông và công nghệ thông tin. Du lịch sẽ là động lực và phương tiện đạt được sự phát triển kinh tế toàn cầu (Cao Ngọc Thành, 2004, tr. 46). Trên phạm vi thế giới, du lịch đã trở thành nhu cầu không thể thiếu trong đời sống xã hội. Nếu như vào giữa thế kỷ XX số khách đi du lịch là 25 triệu người, đến năm 1995 con số này đã lên đến 567 triệu người và năm 2000 đạt 673 triệu người (Đặng Quang Thành, Dương Ngọc Phượng, 2000, tr. 89). Ở nhiều quốc gia, du lịch đã trở thành một ngành kinh tế quan trọng như Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Mỹ...

Tương tự như vậy, trong thời gian qua ngành du lịch Việt Nam đã có những bước phát triển nhất định và ngày càng tác động đến nhiều mặt trong đời sống kinh tế, xã hội của đất nước. Điều này đã được khẳng định “gần 20 năm qua Việt Nam tiến hành chính sách đổi mới mở cửa. Trong tình hình đưa đất nước tiến bước trên con đường phát triển, du lịch đóng vai trò ngày càng quan trọng và đã gặt hái được những thành quả đáng tự hào. Từ chỗ hàng năm chỉ có 300 ngàn du khách vào đầu những năm 90 của thế kỷ trước đến nay lượng du khách vào Việt Nam bình quân hàng năm tăng khoảng 15-17%” (Vũ Khoan, 2004). Giá trị doanh thu từ du lịch của Việt Nam cũng tăng trưởng theo từng năm. Năm 1995, Việt Nam đón 1,3 triệu khách quốc tế, với mức

doanh thu đạt 9.000 tỷ đồng, đến năm 2006 khách du lịch nước ngoài tăng lên 3,6 triệu người và đạt tổng doanh thu là 36.000 tỷ đồng (báo Du lịch, ngày 4/1/2007). Tuy nhiên những con số đạt được đó chưa tương xứng với tiềm năng hiện có của đất nước, nếu như so sánh với các nước trong khu vực như Thailand, Malaysia, Philipine... cũng có sự tương đồng về sản phẩm du lịch nhưng hàng năm họ đã thu hút hơn 10 triệu khách du lịch.

Kinh tế du lịch là ngành có quan hệ mật thiết với văn hoá. Nếu nói văn hoá là động lực để ngành du lịch phát triển, thì đó cũng là tiền đề, điểm tựa và nền tảng vững chắc đối với sự phát triển của ngành du lịch. Du lịch văn hoá đang trở thành xu thế chủ đạo trong chiến lược phát triển của ngành du lịch Việt Nam. Tây Nguyên là khu vực có nền văn hoá được hình thành rất lâu đời và rất đa dạng. Những giá trị văn hoá này là sản phẩm quý giá cho sự phát triển ngành du lịch trong tương lai. Năm 2006, khách du lịch đến Tây Nguyên đạt 1,6 triệu người (tăng gấp 2,2 lần so với năm 1999), chiếm 8,2% tổng lượng khách du lịch của cả nước. Tỷ trọng ngành thương mại và du lịch chỉ chiếm khoảng 15% trong cơ cấu kinh tế toàn vùng (www.festivalconghieng.vn, ngày 11/10/2007). Vì vậy cần huy động các nguồn lực trong việc bảo tồn và khai thác các giá trị văn hoá nhằm phục vụ du lịch và phát triển kinh tế ở Tây Nguyên hơn nữa.

Những giá trị văn hoá truyền thống ở Tây Nguyên nếu chúng ta biết lựa chọn, khai thác hợp lý sẽ tạo điều kiện cho ngành du lịch phát triển và là điều kiện để bảo tồn, gìn giữ văn hoá không bị mai một. Hiện nay, ở Tây Nguyên đã hình thành các khu

du lịch văn hoá nổi tiếng và trở thành một “thương hiệu” quen thuộc đối với khách du lịch trong và ngoài nước. Đó là di chỉ khảo cổ học Lung Leng, làng Le của dân tộc Rơmâm, làng dân tộc Bana Konkotu, nhà Rông Bana, Giarai, nhà mồ của các dân tộc thuộc hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum. Xuôi về phía Nam Tây Nguyên có buôn Jun (thị trấn Liên Sơn, huyện Lăk) với tổng thể vốn văn hoá dân tộc truyền thống của các dân tộc M’ông, Êđê... buôn Akô Dhong (thành phố Buôn Ma Thuột), Buôn Đôn, bảo tàng dân tộc... ở tỉnh Dak Lăk. Ở Lâm Đồng có xã Lát (huyện Lạc Dương) với làng nghề dệt thổ cẩm B’nơ C, làng nghề K’long (xã Hiệp An, huyện Đức Trọng)... Bên cạnh đó, khách du lịch còn được nghe những bản trường ca, hoà mình trong những đêm hội công chiêng rộn rã, vít rượu cần say theo điệu múa xoang của các thiếu nữ miền sơn cước...

Trong những năm gần đây, Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch một số tỉnh Tây Nguyên đã quy hoạch, đầu tư khôi phục và bảo lưu các giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc để phục vụ cho ngành du lịch. Những ngôi làng truyền thống gồm nhà Rông của dân tộc Bana, Giarai, những ngôi nhà dài của người Êđê, M’ông được bảo tồn và phục dựng lại, làng nghề dệt thổ cẩm của đồng bào dân tộc được chú ý đầu tư phát triển nhằm phục vụ nhu cầu làm quà lưu niệm cho khách du lịch, nghệ thuật công chiêng, kể chuyện trường ca, múa hát dân gian từng bước được khôi phục và bảo lưu.

Đến với những buôn làng Tây Nguyên như làng Konkotu của người Bana ở Kontum, buôn Jun, Buôn Đôn, buôn Akô Dhong (Dak Lăk) hoặc xã Lát (Lâm Đồng), là

những buôn làng còn giữ nguyên những nét sinh hoạt và cảnh vật thiên nhiên hoang sơ. Những ngôi làng này còn giữ nguyên kiến trúc nhà dài, nhà rông của các dân tộc thiểu số bản địa, nếp sinh hoạt truyền thống của cộng đồng cư dân. Tại đây, khách du lịch có thể tham gia vào đời sống thật của người dân trong làng, được khám phá chiều sâu văn hoá về con người và văn hoá Tây Nguyên. Đêm về, bên ngôi nhà truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số, du khách được tham gia sinh hoạt giao lưu văn hoá, uống rượu cần, nghe kể khan bên bếp lửa bập bùng, đắm mình trong tiếng công chiêng và say sưa theo điệu múa xoang, múa yun...

Đặc biệt trong các lễ hội lớn như lễ hội đua voi, lễ hội đâm trâu... đã thu hút hàng ngàn khách du lịch đến tìm hiểu và giao lưu. Hiện nay Sở Văn hoá, Du lịch và Thể thao một số tỉnh như Gia Lai, Dak Lăk đã phối hợp với các công ty du lịch tăng cường đầu tư, quảng bá để thu hút khách du lịch đến với địa phương trong những ngày lễ hội này.

Phát triển và khai thác tiềm năng văn hoá truyền thống các dân tộc thiểu số Tây Nguyên đúng hướng sẽ mang lại những giá trị kinh tế cao và góp phần giúp đồng bào các dân tộc thoát khỏi đói nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống. Đồng thời, du lịch tạo điều kiện để văn hoá truyền thống các dân tộc Tây Nguyên bảo tồn và phát triển. Sự biến đổi kinh tế, tác động của quá trình chuyển biến dân cư và hội nhập đã phá vỡ tính khép kín của buôn làng Tây Nguyên, làm thay đổi diện mạo văn hoá truyền thống của cư dân bản địa. Người dân Tây Nguyên đã có sự thay đổi toàn diện từ tập

quán sản xuất kinh tế đến sinh hoạt trong đời sống, tôn giáo, tín ngưỡng. Trong nếp sống gia đình, những ngôi nhà dài, nhà rông dần dần được thay đổi bằng nhà trệt, bê tông hoá; không còn tồn tại loại hình cư trú buôn làng theo huyết thống. Từ đó thế hệ trẻ thuộc các dân tộc thiểu số cũng quên lãng đi những chuyện kể Hơri của người Giarai, Hơmon của người Bana và Khan của người Êđê... Họ có thể mang những hiện vật quý giá nhất như công chiêng, trong một thời gian dài được tổ tiên xem là linh hồn, gắn liền với cuộc sống hàng ngày của người dân để bán đi. Văn hoá Tây Nguyên đang đứng trước những biến đổi lớn.

Thúc đẩy phát triển du lịch văn hoá đã góp phần phục dựng lại, tạo điều kiện để bảo tồn các giá trị văn hoá của đồng bào dân tộc Tây Nguyên. Hiện nay, ý thức được vấn đề này các tỉnh Tây Nguyên đã quy hoạch một số buôn làng, khôi phục lại các nghề thủ công truyền thống, đào tạo lớp nghề nhân diễn xướng, nghề nhân đánh công chiêng... Trong bảo tồn làng dân tộc truyền thống điển hình có làng Le, làng Konkot, buôn Jun, buôn Akô Dhon, Buôn Đôn; nghề nhân diễn xướng, đánh công chiêng, múa hát dân gian ở buôn Akô Dhon, buôn Alê A, Buôn Đôn... Nghề dệt truyền thống dần được khôi phục và phát triển nhằm đáp ứng sản phẩm phục vụ du lịch như làng dệt Tơ Bông, Tăng Dú ở Dak Lăk; B'nhơ C, làng nghề K'long (Lâm Đồng)...

Phục dựng, tái hiện các giá trị văn hoá tạo điều kiện cho các thế hệ trẻ học hỏi, tiếp thu và hiểu rõ hơn truyền thống văn hoá của dân tộc mình. Những nước ở châu Á như Thailand, Indonesia, Trung Quốc, Ấn Độ có

hiều kinh nghiệm trong việc kết hợp nghệ thuật truyền thống, lịch sử dân tộc với kinh doanh du lịch. Ở Thái Lan, tại khu triển lãm cá sấu Bangkok, những nhà tổ chức du lịch đã tổ chức những hoạt động văn hoá mang tính lịch sử rất độc đáo. Các giá trị lịch sử được phục dựng, sân khấu hoá đã tạo ấn tượng lớn, không chỉ giúp cho các thế hệ trẻ Thái Lan mà cả du khách nước ngoài hiểu biết về lịch sử của đất nước Thái Lan.

Ở Việt Nam những loại hình nghệ thuật truyền thống đã được mở rộng phát triển nhằm giáo dục các thế hệ trẻ hiểu biết các loại hình nghệ thuật truyền thống của dân tộc và phục vụ cho du lịch như múa rối nước, ca trù, nghệ thuật truyền thống của các dân tộc Tây Bắc, Tây Nguyên... Đối với Tây Nguyên, trong những năm gần đây, các loại hình nghệ thuật truyền thống như nghệ thuật diễn xướng được sưu tầm, biên soạn công bố trên sách, báo, đồng thời đào tạo các lớp nghệ nhân diễn xướng, nghệ nhân đánh công chiêng, múa hát để bảo lưu giá trị văn hoá và phục vụ du lịch. Lễ hội đâm trâu, đua voi, lễ hội vòng đời, lễ hội công chiêng... được tổ chức thường xuyên như một sản phẩm văn hoá du lịch đặc trưng của vùng Tây Nguyên.

- Du lịch đã tạo nên sự giao lưu văn hoá giữa các dân tộc, truyền bá nền văn hoá truyền thống ở Tây Nguyên với bạn bè trong và ngoài nước. Chúng ta vẫn thường hay gọi du lịch là sứ giả của hoà bình, là cầu nối giữa các nền văn hoá. Thông qua hoạt động du lịch các dân tộc trong nước có thể giao lưu về giá trị văn hoá của dân tộc mình và hiểu biết thêm về văn hoá của 54 dân tộc ở Việt Nam. Những sản phẩm văn hoá độc đáo, những giá trị văn hoá truyền

thống của các dân tộc Tây Nguyên là thế mạnh để thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế. Khi đến Tây Nguyên, khách du lịch không chỉ thích thú với cảnh đẹp hùng vĩ và hoang sơ của núi rừng Tây Nguyên mà còn được khám phá nhiều điều thú vị huyền diệu về con người, văn hoá và lịch sử nơi đây.

Du lịch là cách nghỉ ngơi bổ ích mà con người lựa chọn, nhưng sự nghỉ ngơi ấy càng có giá trị hơn khi để lại dấu ấn cho khách du lịch về văn hoá và con người nơi họ đến. Các tỉnh Tây Nguyên cần khôi phục và làm phong phú thêm những giá trị văn hoá nghệ thuật, các lễ hội, món ăn truyền thống để khách quốc tế khi ra về vẫn khao khát sẽ đến được tận hưởng những giá trị văn hoá thân quen và gần gũi của miền đất nằm trên dãy Trường Sơn hùng vĩ.

Trong Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII đã khẳng định “Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội, thể hiện tầm cao và chiều sâu về trình độ phát triển của một dân tộc, là sự kết tinh những giá trị tốt đẹp nhất trong quan hệ con người với con người, với xã hội và với thiên nhiên” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1996, tr. 110). Những đóng góp thiết thực của du lịch đã được chứng minh bằng hướng đi vững chắc của ngành du lịch Việt Nam vào sự đóng góp cho nền kinh tế quốc dân. Du lịch đã góp phần phát triển kinh tế và bảo lưu những giá trị văn hoá truyền thống. Trong tương lai, Nhà nước cần tạo điều kiện để ngành du lịch góp phần quan trọng hơn nữa vào sự nghiệp gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Việc ngành du lịch đầu tư vào văn hoá

mang lại nhiều lợi ích cho xã hội như: Nhà nước giảm một phần ngân sách đầu tư mà các di sản văn hoá vẫn được bảo tồn và phát huy; du lịch văn hoá phát triển ngoài yếu tố nói trên còn giải quyết được việc làm tại các địa phương, thúc đẩy dịch vụ và các làng nghề có điều kiện khôi phục, phát triển. Mọi quan hệ hữu cơ giữa bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc với du lịch luôn tồn tại đan xen nhau và hỗ trợ nhau cùng phát triển.

Tuy nhiên sự phát triển nào cũng có mặt trái của nó, vì vậy du lịch là một ngành kinh doanh nên đòi hỏi phải có lợi nhuận và cạnh tranh. Nếu không có hướng dẫn và giám sát của Nhà nước thì du lịch sẽ làm cho văn hoá truyền thống bị lai căng, thị trường hoá, làm lu mờ nền văn hoá dân tộc trong mắt của du khách thập phương. Từ sự trăn trở này, nhà sử học Dương Trung Quốc (Tổng thư ký Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam) đã cảnh báo: Hiệu quả của một tour du lịch văn hoá không chỉ đánh giá trên kết quả doanh thu, mà phải xem đã để lại cho du khách những gì. Bên cạnh việc đầu tư về vật chất, phải đầu tư về trí tuệ cho những người làm du lịch. Du lịch văn hoá là mục đích, đối tượng khai thác nhưng phải làm sao cho du lịch có văn hoá (Đặng Quang Thành, Dương Ngọc Phượng, 2000, tr. 114). Vì vậy cần xác định hướng đi đúng cho ngành du lịch Tây Nguyên là phát huy thế mạnh nền văn hoá đặc sắc của các dân tộc nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào dân tộc, đồng thời góp phần bảo lưu các giá trị văn hoá trước sự hội nhập và phát triển. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài phát biểu của Phó Thủ tướng Vũ Khoan, Trưởng Ban Nhà nước về du lịch tại buổi khai mạc *Hội nghị du lịch châu Á-Thái Bình Dương*, ngày 11-12/6/2004 tại Huế.
2. Cao Ngọc Thành. 2004. *Mô hình cầu du lịch đến Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Xã hội, số 6/2004.
3. Công Thị Nghĩa. 2002. *Du lịch văn hoá ở Việt Nam*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1996. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
5. Đặng Quang Thành, Dương Ngọc Phượng. 2000. *Phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong kinh doanh du lịch*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ.
6. Phạm Duy Đức (chủ biên). 2006. *Những thách thức của văn hoá Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế*. Hà Nội: Nxb. Văn hoá Thông tin.
7. Ngô Đức Thịnh. 2007. *Những mảng màu văn hoá Tây Nguyên*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ.
8. Nguyễn Tấn Đắc. 2005. *Văn hoá xã hội và con người Tây Nguyên*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
9. Nguyễn Văn Dân. 2006. *Văn hoá và phát triển trong bối cảnh toàn cầu hoá*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
10. Trần Quốc Vương (chủ biên). 1999. *Cơ sở văn hoá Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
11. Trần Văn Bính (chủ biên). 2004. *Văn hoá các dân tộc Tây Nguyên thực trạng và những vấn đề đặt ra*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
12. Trương Minh Dục. 2005. *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về dân tộc và quan hệ dân tộc ở Tây Nguyên*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.